

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 6 - 2024

V/v "Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thư và bà Kiều Thị Thăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Xóm T, xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Bùi Thị T ngày 02/10/2023, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ anh ở xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, đến đầu tháng 3 năm 2024 nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau. Cuối tháng 3 năm 2024 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả. Nay anh

xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Bị đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị xác nhận lời trình bày của anh Đ về thời gian và thủ tục kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian chị về nhà bố mẹ đẻ ở là đúng. Chị xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh Đ trả cho cô của chị là bà Bùi Thị H tiền anh Đ vay riêng là 10.000.000đ và ông Nguyễn Văn Q bố của anh Đ trả cho chị số tiền riêng chị gửi ông Q cho vay lãi 20.000.000đồng.

Về số nợ cho vay riêng: Chị T trình bày: Chị có 20.000.000đồng, ngày 28/02/2024 gửi ông Nguyễn Văn Q (là bố đẻ anh Đ), ông Q có nói với chị là ông cho vay lấy tiền lãi để chị trả tiền xe máy chị mua trả góp. Ông Q đã trả cho chị được 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng là 500.000đồng (tháng 02 và tháng 03/2024), còn tháng 4 và tháng 5 chưa trả. Chị đề nghị ông Q trả cho chị số tiền 20.000.000đồng mà chị đã gửi ông Q, chị không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, anh Đ có vay của bà Bùi Thị H (là cô ruột chị) số tiền 10.000.000đồng. Khi vay chị không được biết nên đó là khoản nợ của riêng anh Đ. Chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh Đ trả cho bà H 10.000.000đồng và ông Q trả cho chị số tiền 20.000.000đồng. Bà H không làm đơn đề nghị anh Đ trả tiền chỉ nhờ chị trình bày tại Tòa. Anh Đ không còn quản lý tài sản gì là tài sản riêng của chị.

Anh Đ trình bày: Số tiền mà chị T trình bày đưa cho ông Q là tiền riêng của chị T gửi ông Q nên anh không liên quan đến số tiền này, còn số tiền 10.000.000đồng là anh vay của bà Bùi Thị L (là cô ruột của chị T). Tuy nhiên bà Bùi Thị L đã nhờ bà Bùi Thị H (là cô ruột của chị T) chuyển khoản cho anh nên đây là khoản anh vay riêng không liên quan đến chị T. Hai khoản tiền trên không phải là nợ chung của vợ chồng nên đề nghị Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

Về con chung: Anh Đ và chị T đều xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, khoản nợ chung, khoản có cho vay chung: Anh Đ và chị T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai chung, không vay ai chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Đất canh tác: Anh Đ và chị T thống nhất xác định không có.

Về tài sản riêng: Anh Đ, chị T đều xác định không ai quản lý tài sản của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Bùi Thị T. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Xóm T, xã T, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có văn bản thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống qua thu thập chứng cứ và lời trình bày của anh Đ, chị T đều xác định anh chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Anh Đ xin ly hôn nhưng chị T chỉ đồng ý ly hôn khi anh Đ trả cho bà Bùi Thị H số tiền anh nợ riêng và ông Nguyễn Văn Q là bố anh Đ trả cho chị số tiền riêng của chị gửi ông Q cho vay lấy lãi. Thấy rằng, anh chị đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Anh Đ, chị T đều xác định tình vợ chồng không còn điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Bùi Thị T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh Đ, chị T đều xác định không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, khoản nợ chung, khoản có chung, công sức, đất canh tác: Do anh Đ, chị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về tài sản riêng: Anh Đ, chị T đều xác định anh chị không ai quản lý tài sản riêng của ai nên không xem xét giải quyết.

[7]. Đối với đề nghị của chị T là anh Đ phải có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị H là cô của chị 10.000.000đ và ông Quảng bố anh Đ trả cho chị 20.000.000đ tiền riêng của chị. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa anh Đ và chị T nên các khoản nợ chung, khoản vay chung được xem xét giải quyết khi có yêu cầu. Đối hai khoản nợ mà chị T đưa ra không phải là khoản nợ và khoản cho vay chung của vợ chồng mà đều là khoản vay riêng của mỗi người nên không đưa ông Q và bà H vào tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết các khoản nợ riêng này.

[8]. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, khoản nợ chung, khoản có chung, tài sản riêng mà mỗi bên quản lý của nhau; công sức, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007036 ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam

Dương;

- Các đương sự.

- UBND xã Đ;

- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Bích Ngọc

